TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐB** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**

Bản án số: **30**/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 25/6/2021.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Xuyên.

Ông Nguyễn Trọng Sơn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lò Thị P**; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Bản P N, xã T L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh **Tòng Văn T**; sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đội 10, xã NL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày*:**

- *Về hôn nhân*: Chị P và anh Tòng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/3/2010. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, sau đó luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đôi lúc anh T còn đánh đập chị P thậm tệ. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai gia đình hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, chị P đã đưa 02 con chung về bên nhà bố mẹ đẻ tại Bản P N, xã T L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị P đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐB,

tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh T để chị P và các con ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hiền T; sinh ngày 07/01/2011 và cháu Tòng Thị Bảo T1; sinh ngày 07/7/2012. Vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị P đã đưa 02 con chung về nhà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 co chung đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị P và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị P và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung, nợ riêng:* Chị P và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

**** Tại bản tự khai ngày 12/4/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2021 bị đơn anh Tòng Văn T trình bày*:**

Anh T và chị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/3/2010. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, sau đó luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai gia đình hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh T và chị P đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, chị P đã đưa 02 con chung về bên nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Bản P N, xã T L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Từ ngày ly thân bản thân anh T cũng không còn qua lại, hỏi thăm gì nhau nữa, cuộc sống của ai người đấy lo. Nay anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Chị P làm đơn xin ly hôn với anh T. Quan điểm của anh T mặc dù vợ đã sống ly thân thời gian dài, mẫu thuẫn chưa hòa giải được nhưng anh T vẫn còn tình cảm với vợ và các con, bản thân không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh T và chị P được quay về đoàn tụ.

- *Về con chung:* Anh T và Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hiền T; sinh ngày 07/01/2011 và cháu Tòng Thị Bảo T1; sinh ngày 07/7/2012. Vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Nay tôi không muốn ly hôn vì vậy không yêu cầu tòa án giải quyết về phần con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh T và Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung, nợ riêng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐB đã tiến hành hòa giải tại Tòa án, nhưng anh T chỉ đến tham gia hòa giải lần 01 vào ngày 28/4/2021, còn

lần hòa giải sau anh T vắng mặt không lý do, sau chị P đã có đơn gửi Tòa án với nội dung không yêu cầu hòa giải tiếp đối với vợ chồng chị, vì xét thấy mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng đã trầm trọng, có hòa giải nữa cũng không thể đoàn tụ.

Ngày 01/6/2021, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn, do đó cần xác định đây là vụ việc tranh chấp thuộc quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về Nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai gia đình hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh T và chị P đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, chị P đã đưa 02 con chung về bên nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Bản P N, xã T L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Từ ngày ly thân bản thân anh T cũng không còn qua lại, hỏi thăm gì nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại bản tự khai, đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân chị P nộp tại Toà án và tại phiên tòa thể hiện năm 2019 chị P đã cắt hẳn hộ khẩu của chị và các con chung để chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Bản P N, xã T L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên thành 01 hộ khẩu riêng, hiện anh T 01 hộ khẩu riêng tại địa chỉ: Đội 10, xã NL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Điều đó chứng tỏ rằng anh chị đã không còn muốn chung sống cùng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị P có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải cho đôi bên vợ chồng anh chị, cho thấy mâu thuẫn giữa đôi bên anh chị đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Về phía anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân thời gian dài, mẫu thuẫn không hòa giải được nhưng không nhất trí ly hôn, muốn quay về đoàn tụ để cùng chị P nuôi dạy con

chung. Nhưng khi tòa án thông báo anh T lại luôn vắng mặt không lý do tại buổi hòa giải lần tiếp theo, điều này cho thấy anh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như không có thiện chí quay về đoàn tụ với chị P.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh chị tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho cho chị P được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Tòng Thị Hiền T; sinh ngày 07/01/2011 và cháu Tòng Thị Bảo T1; sinh ngày 07/7/2012. Vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị P đã đưa 02 con chung về nhà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Bản thân cháu Hiền T và cháu Bảo T1 cũng có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở cùng với chị P để chị P có điều kiện nuôi dương, chăm sóc, dạy bảo các cháu hơn vì bản thân anh T đi làm xa nhà, không có điều kiện chăm sóc các cháu. Xét thấy cháu Hiền T và cháu Bảo T1 đều là con gái, từ khi bố mẹ ly thân 02 cháu đã sinh sống cùng với mẹ. HĐXX thấy rằng nguyện vọng của các cháu là phù hợp lên cần chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị P và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung, nợ riêng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị P thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí cho chị Lò Thị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị P với Tòng Văn T.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Tòng Thị Hiền T; sinh ngày 07/01/2011 và cháu Tòng Thị Bảo T1; sinh ngày 07/7/2012 cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan có thẩm quyền.

Không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Miễn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị P.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:
- VKSND HĐB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.